

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN T  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2020

V/v “Xin ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T - TỈNH LONG AN**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn H

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hà Minh T

2. Bà Trần Thị N

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Kim- cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân T.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú: ấp Tân L, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

**2. Bị đơn:** anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cư trú: ấp Tân L, xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và các lời khai của chị Nguyễn Thị Thùy Tr trình bày:* Chị và anh T đăng ký kết hôn tại UBND xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An năm 2004. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn là do anh T đi làm MC có quan hệ với người khác bên ngoài, do đó anh không quan tâm với gia đình và vợ con. Nay chị yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Giữa chị Tr và anh T có 02 người con tên Nguyễn T D, sinh ngày 12/02/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 24/8/2008. Nay chị yêu cầu được nuôi 02 con D và M, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T tại bản tự khai và biên bản hòa giải trình bày:* Thời gian sống chung và đăng ký kết hôn như lời trình bày chị Tr. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, khoảng 07 năm nay vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau là do chị Tr hay nghi ngờ và ghen tuông với anh. Nay anh còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung như lời trình bày của bà Tr là có 02 người con tên Nguyễn T D, sinh ngày 12/02/2004 và Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 24/8/2008. Nay anh T đồng ý giao chị Tr nuôi 02 con cháu D, cháu M nhưng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đối với anh Nguyễn Văn T, ngày 30/3/2020 Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/3/2020 và tiến hành niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2020, đồng thời ấn định thời gian xét xử ngày 12/5/2020 nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Thùy Tr và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn ngày 08/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn N, huyện Tân T, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

2.1 *Về hôn nhân:* Sau khi kết hôn chị Tr về sống bên gia đình anh T tại ấp Tân Long, xã Nhơn N, huyện Tân T. Trong thời gian này hai bên chung sống rất hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn tình cảm. Nguyên nhân chị Tr trình bày do anh T có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài nên anh không làm tròn trách nhiệm với gia đình và vợ con. Còn anh T cho rằng thời gian chung sống với nhau như chị Tr trình bày, sau đó anh đi làm nghề MC lúc này chị Tr bắt đầu ghen tuông, từ đó anh và chị Tr thường xuyên cãi vã với nhau làm ảnh hưởng tình cảm gia đình, nhưng hiện nay anh còn thương vợ con, do đó không đồng ý ly hôn.

Xét thấy anh T làm nghề MC phục vụ các cơ sở nhạc sống nên thường đi xa gia đình và vợ con, cũng như làm nghề này tiếp xúc với nhiều thành phần trong xã hội và ít hay nhiều cũng có quen biết với phụ nữ bên ngoài, nên chị Tr không muốn anh T tiếp tục theo nghề này nhằm để có thời gian gần gũi với gia đình nuôi

dạy con chung, nhưng anh T không theo ý muốn của chị Tr nên càng làm chị Tr nghi ngờ trong tình cảm giữa vợ chồng. Ngoài ra sau khi xảy ra mâu thuẫn anh T không đưa ra giải pháp nào phù hợp nhằm hàn gắn tình cảm với chị Tr, nên dẫn đến sự bất đồng trong cuộc sống như cự cãi và lớn tiếng với nhau, cho nên chị Tr và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Mặc khác việc mâu thuẫn tình cảm giữa chị Tr và anh T đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải nhưng không kết quả. Từ những nguyên nhân này cho thấy về tình cảm hiện nay giữa chị Tr và anh T không còn hàn gắn được với nhau và mục đích hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Tr và bác yêu cầu đoàn tụ của anh T là phù hợp.

2.2 *Về con chung*: Trong thời gian chung sống với nhau giữa chị Tr và anh T thống nhất có 02 người con chung gồm: cháu Nguyễn T D, sinh ngày 12/02/2004 và cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 24/8/2008. Xét thấy sau khi chị Tr và anh T sống ly thân cháu D và cháu M sống với chị Tr và tại phiên tòa chị Tr yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với nguyện vọng của cháu D và cháu M, vì tại bản tự khai ngày 06/9/2019 cháu D và cháu M xin được sống với mẹ. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 anh T đồng ý giao con chung là cháu D, cháu M cho chị Tr nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con chị Tr là phù hợp.

2.3 *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tại phiên tòa chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc chị Tr không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh T.

2.4 *Về tài sản chung*: Tại phiên tòa chị Tr trình bày tài sản chung tự thỏa thuận với anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 anh T trình bày tài sản chung tự thỏa thuận với chị Tr không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5 *Về Nợ chung*: Chị Tr trình bày không có, cũng như tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2020 anh T trình bày không có, nên không đề cập.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Chị Tr nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh T không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 51, 56, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1.**Về tình cảm:Chị Nguyễn Thị Thùy Tr ly hôn anh Nguyễn Văn T.

**2.**Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy Tr được quyền nuôi 02 con chung gồm: cháu Nguyễn T D, sinh ngày 12/02/2004 và cháu Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 24/8/2008 (Hiện nay đang sống với chị Tr). Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở. Trong T hợp có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

**3.**Về án phí: Chị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai số 0000804 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân T sang thành án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhơn N;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn H**